

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN THỌ

TOÁN

HÀNG VÀ LỚP



A decorative border at the top of the page features two purple pencils, green leaves, and small blue and orange flowers.

Hoạt động 1:

ĐIỀU EM CẦN BIẾT?



Lớp nghìn

- Hàng trăm nghìn
- Hàng chục nghìn
- Hàng nghìn

Lớp đơn vị

- Hàng trăm
- Hàng chục
- Hàng đơn vị

Số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
321				3	2	1
654 000	6	5	4	0	0	0
654 321	6	5	4	3	2	1

- Khi viết các chữ số vào cột ghi hàng nên viết theo các hàng từ nhỏ đến lớn (từ phải sang trái).
- Khi viết các số có nhiều chữ số nên viết sao cho khoảng cách giữa hai lớp rộng hơn một chút.



Hoạt động 2:

LUYỆN TẬP



Bài tập 1: Viết theo mẫu

Đọc số	Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
Năm mươi tư nghìn ba trăm mười hai	54 312		5	4	3	1	2
Bốn mươi lăm nghìn hai trăm mười ba	45 213		4	5	2	1	3
Năm mươi tư nghìn ba trăm linh hai	54 302		5	4	3	0	2
Sáu trăm năm mươi tư nghìn ba trăm	654 300	6	5	4	3	0	0
Chín trăm mười hai nghìn tám trăm	912 800	9	1	2	8	0	0

Bài tập 2:

a) Đọc các số sau và cho biết chữ số 3 ở mỗi số đó thuộc hàng nào, lớp nào: 46 307 ; 123 517 ; 305 804

b) Ghi giá trị của chữ số 7 trong mỗi số ở bảng sau (theo mẫu):

Số	38 753	67 021	79 518	302 671	715 519
Giá trị của chữ số 7	700				

2a) Đọc các số sau và cho biết chữ số 3 ở mỗi số đó thuộc hàng nào, lớp nào:

46 307 ; 123 517 ; 305 804

Viết số	Đọc số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
		Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
46 307	Bốn mươi sáu nghìn ba trăm linh bảy		4	6	3	0	7
123 517	Một trăm hai mươi ba nghìn năm trăm mười bảy	1	2	3	5	1	7
305 804	Ba trăm linh năm nghìn tám trăm linh bốn	3	0	5	8	0	4

❖ 46 307

Đọc là: Bốn mươi sáu nghìn ba trăm linh bảy.

Chữ số 3 thuộc hàng trăm, lớp đơn vị.



2b) Ghi giá trị của chữ số 7 trong mỗi số ở bảng sau (theo mẫu):

Số	38 753	67 021	79 518	302 671	715 519
Giá trị của chữ số 7	700	7000	70 000	70	700 000

Bài tập 3: Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu)

52 314 ; 503 060 ; 83 760 ; 176 091.

Mẫu: $52\ 314 = 50\ 000 + 2000 + 300 + 10 + 4$

$$503\ 060 = 500\ 000 + 3000 + 60$$

$$83\ 760 = 80\ 000 + 3000 + 700 + 60$$

$$176\ 091 = 100\ 000 + 70\ 000 + 6000 + 90 + 1$$

Thứ ba, ngày 28 tháng 9 năm 2021

Toán

Hàng và lớp

Đọc các số sau. Cho biết chữ số 3 thuộc hàng nào, lớp nào?

46 307: Bốn mươi sáu nghìn ba trăm linh bảy.

Chữ số 3 thuộc hàng, lớp

123 517:

Chữ số 3 thuộc hàng, lớp